

!	CÁ BIỂN TƯƠI	!	TCVN	!
!	Phân loại theo giá trị sử dụng	!	3250 - 88	!
!	Морские рыбы.	Fishes	(Soát xét lần	!
!	Классификация по	Classification	thứ nhất)	!
!	использованной	on Utilization		!
!	ценности.		-----	!
!			Có hiệu lực	!
!			từ 01/7/1989	!
!				!

1. Tiêu chuẩn này thay thế TCVN 3250 - 79
Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loài cá biển tươi, hoặc đã qua bảo quản lạnh, đông .
2. Cá biển tươi được xếp loại theo giá trị sử dụng từ cao xuống thấp theo bảng 1 .
3. Đối chiếu tên cá trong bảng 1 với tên loài trong nhóm theo quy định ở bảng 2, phụ lục 1 .
4. Hình vẽ một số loài cá theo quy định ở phụ lục 2 .
5. Thành phần hoá học một số loài cá : tham khảo bảng 3, phụ lục 3 ; thành phần khối lượng một số loài cá tham khảo bảng 4, phụ lục 4 .

Bảng 1

Loại	Tên cá	Tên gọi khác	Khối lượng một con cá tính bằng kg	Số tra cầu (phụ lục 1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	1. Bớp	Giò, mếp	Từ 1,0 trở lên	1
	2. Cam	Cam sọc vàng, cam sọc đen,	" 0,3 " "	2
	3. Cu bầu	Cu nàu, cu	" 0,5 " "	3
	4. Chim trắng		" 0,3 " "	4
I	5. Chim đen	Chim gai	" 0,4 " "	5
	6. Chẽm	Vược, vược trắng	" 2,0 " "	6
	7. Khế	Khế vàng, viên, hiếu, hảo, hiên	" 0,5 " "	7
	8. Nhỡ	Tráp đỏ	" 1,0 " "	8
	9. Nhụ	Lụ, lậu, chét, gộc mềm, ngứa	" 0,5 " "	9
	10. Song	Mú, song tro, mú chấm xanh, mú hồng	" 1,0 đến dưới 5,0	10
	11. Thu	Thu chấm, thu ầu chấm xanh, thu vạch, thu Trung Hoa	" 0,5 trở lên	11

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
!	!	!	!	!
!	! 1. Bóp	!	! Từ 0,5 đến	!
!	!	!	! dưới 1,0	!
!	! 2. Cam	!	! " 0,2 " " 0,3!	!
!	! 3. Cu bầu	!	! " 0,3 " " 0,5!	!
!	! 4. Chim trắng!	!	! " 0,2 " " 0,3!	!
!	! 5. Chim đen	!	! " 0,3 " " 0,4!	!
!	!	!	!	!
!	! 6. Chẽm	!	! " 0,5 " " 2,0!	!
!	! 7. Khế	!	! " 0,2 " " 0,5!	!
!	! 8. Nhỡ	!	! " 0,5 " " 1,0!	!
!	! 9. Nhự	!	! " 0,3 " " 0,5!	!
! II	! 10. Song	!	! " 0,5 " " 1,0!	!
!	!	!	! và trên 5,0	!
!	!	!	!	!
!	! 11. Thu	!	! " 0,2 " 0,5!	!
!	! 12. Thủ	! Sủ, đường	! " 5,0 trở lên!	12 !
!	! 13. Đé	! Bẹ dài	! " 0,5 " " !	13 !
!	! 14. Hồng thạc!	! Hường vàng, hồng bạc!	! " 2,0 đến dưới 15,0	14 !
!	! 15. Thu ngàn	! Thu ngàn	! " 2,0 trở lên!	15 !
!	! la hầu	!	!	!
!	!	!	!	!
!	!	!	!	!
!	! 16. Gáy biển	! Đỏ mép, gáy, hè,	! Từ 5,0 trở lên!	16 !
!	!	! hè mồm dài	!	!
!	! 17. Bè cam	! Thu bè, bè bè, bè	! " 1,0 " " !	17 !
!	!	! quýt, bè xước,	!	!
!	!	! chang, chẳng ngói,	!	!
!	!	! trác chỉ	!	!
!	! 18. Đối	! Buôi, đối to, đối	! " 2,0 " " !	18 !
!	!	! lưng gù	!	!
!	! 19. Bạc má	!	! " 0,2 " " !	19 !
!	! 20. Nhồng	! Nhồng sọc	! " 0,5 " " !	20 !
!	!	!	!	!

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	121. Mực	Mực sỗ, mực thôn, mực đỏ đuôi	Từ 0,1 trở lên	21
I	I	I	I	I
I	122. Tráp	Hanh, tráp đen, tráp vàng	" 0,5 "	22
I	I	I	I	I
I	123. Ngân	Xay, ngân bột, róc, cam vây đen, khế	" 0,2 "	23
I	I	I	I	I
I	124. Măng	Măng biển	" 0,5 "	24
I	II 125. Thồn bơn	Ngộ, bơn ngộ, bơn chó	" 1,0 "	25
I	I	I	I	I
I	126. Dưa	Lạt, dưa răng nhọn	" 4,0 "	26
I	127. Ngát,	Ngác, lều, sấu	" 3,0 "	27
I	128. Hồng	Hồng hanh, hồng lang	" 1,0 "	28
I	I	hồng đỏ, hồng dài đen	I	I
I	I	I	I	I

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	1. Bóp		Dưới 0,5	
I	2. Cam		" 0,2	
I	3. Cu bầu		" 0,3	
I	4. Chim trắng		" 0,2	
I	5. Chim đen		" 0,3	
I				
I	6. Khế		" 0,2	
I	7. Nhỡ		" 0,5	
I	8. Nhự		" 0,3	
I	9. Song		" 0,5	
III	10. Thu		" 0,2	
I				
I	11. Chẽm		" 0,5	
I	12. Thủ		Từ 1,0 đến	
I			dưới 5,0	
I	13. Đé		" 0,2 " 0,5	
I	14. Hồng thác		" 0,5 " 2,0	
I	15. Thu ngàn		và trên 5,0	
I	la hầu		" 1,0 " 2,0	
I	16. Gáy biển		" 0,3 đến	
I			dưới 0,5	
I	17. Bè cam		Từ 0,5 đến 1,0	
I	18. Đối		" 0,1 " 0,3	
I	19. Bạc má		" 0,1 " 0,2	
I	20. Nhồng		" 0,2 " 0,5	
I				
I	21. Nục		" 0,05 " 0,1	
I	22. Tráp		" 0,3 " 0,5	
I	23. Ngân		" 0,2 " 0,5	
I	24. Măng		" 0,2 " 0,5	
I	25. Thồn bơn		0,25 " 1,0	

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
126.	Dưa		Từ 2,0 đến 4,0	
127.	Ngát		" 2,0 " 3,0	
128.	Hồng		" 0,5 " 1,0	
129.	Ngừ	Chấn, thu ngừ, trù,	" 1,0 trở lên	29
		ngừ bò		
130.	Kẽm	Kẽm hoa	" 2,0 "	30
131.	Sòng	Sòng cộ, sòng gio	" 1,0 "	31
132.	Ngừ dưa	Ngừ sọc dưa, ngừ	" 1,0 "	32
		sọc, chấm		
133.	Bánh đường	Miến sành 4 gai,	" 1,0 "	33
		miến sành 2 gai		
		tráp gai dài		
134.	Hố		" 0,5 "	34
135.	Lầm	Rầu, lầm mắt mỡ, lầm	" 0,1 "	35
		nhọn		
136.	Cờ		" 5,0 "	36
III 137.	Nang hầu		" 5,0 "	-
138.	Phèn	Thèn, phèn khoai,	" 0,1 "	37
		phèn sọc, phèn giải		
		vàng, phèn hai sọc,		
		phèn một sọc		
139.	Mối	Mối dài, mối hoa,	" 0,2 "	38
		mối thường, mối vạch		
140.	Lượng	Lưỡng, đồng, lưỡng còi	" 0,1 "	39
		lưỡng đá, doi, nạng,		
		đào, chơi chơi,		
		lượng bằng đầu		

Bảng 1 (Tiếp theo)

! (1) !	! (2) !	! (3) !	! (4) !	! (5) !
!	! 41. Mỏ	! Mỏ vẹt, go ban, mỏ	! Từ 1,0 trở lên	! 40 !
!	! 42. Bè lão	! Ông lão, lão ẩn, ông	! " 1,0 "	! 41 !
!	!	! lão mồm ngắn	!	!
!	! 43. Chim Ấn Độ	!	! " 0,1 "	! 42 !
!	! 44. Hiên	! Bàn xa, hiên chấm,	! " 0,5 "	! 43 !
!	!	! bảng chạng, hiên	!	!
!	!	! văn, khiên dài	!	!
! III	! 45. Mòi	! Mòi chấm, mòi cò,	! " 0,1 "	! 44 !
!	!	! mòi không răng	!	!
!	!	!	!	!
!	! 46. Sọ	! Sọ 3 sọc	! " 1,0 "	! 45 !
!	! 47. Chai	!	! " 0,5 "	! 46 !
!	! 48. Dù	! Dù bạc, dù gai, dù	! " 1,0 "	! 47 !
!	!	! nanh, sún bông, úp,	!	!
!	!	! nặng, sủ	!	!
!	!	!	!	!

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	11. Thủ		Dưới 1,0	
	12. Đé		" 0,5	
	13. Hồng thác		" 0,5	
	14. Thu ngàn		" 0,3	
	la hầu			
	15. Gáy biển		" 0,5	
	16. Bè cam		" 0,1	
	17. Đổi		" 0,1	
	18. Bạc má		" 0,1	
	19. Nhồng		Từ 0,1 đến dưới	
			0,2	
	10. Nục		" 0,03 " 0,05	
IV	11. Tráp		Dưới 0,3	
	12. Ngân		" 0,1	
	13. Măng		" 0,1	
	14. Thòu bòn		Từ 0,05 đến	
			dưới 0,25	
	15. Dưa		" 1,0 " 2,0	
	16. Ngát		Dưới 2,0	
	17. Hồng		" 0,5	
	18. Ngừ		Từ 0,5 đến	
			dưới 1,0	
	19. Kẽm		" 0,5 " 2,0	
	20. Sòng		" 0,5 " 1,0	

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
!	!	!	!	!
!	! 21. Ngừ dừa	!	! Từ 0,5 đến	!
!	!	!	! dưới 1,0	!
!	! 22. Bánh đường	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	! 23. Hổ	!	! " 0,3 " 0,5	!
!	! 24. Lằm	!	! " 0,03 " 0,1	!
!	! 25. Cờ	!	! " 1,0 " 5,0	!
!	!	!	!	!
!	! 26. Nang hầu	!	! " 1,0 " 5,0	!
!	! 27. Phèn	!	! " 0,05 " 0,1	!
!	! 28. Mối	!	! " 0,1 " 0,2	!
!	! 29. Lương	!	! " 0,05 " 0,1	!
!	! 30. Mố	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	!	!	!	!
! IV	! 31. Bè lão	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	! 32. Chim Ấn Độ	!	! " 0,05 " 0,1	!
!	! 33. Hiên	!	! " 0,2 " 0,5	!
!	! 34. Mòi	!	! " 0,05 " 0,1	!
!	! 35. Sọ	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	!	!	!	!
!	! 36. Chai	!	! " 0,1 " 0,5	!
!	! 37. Đù	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	! 38. Chuồn	! Chuồn xanh	! Từ 0,2 trở lên	!
!	! 39. Én	! Giang	! " 0,2 " !	49
!	! 40. Trích	! Nhâm, trích lằm,	! " 0,05 " !	50
!	!	! trích xương, bôi, ve	!	!
!	!	!	!	!
!	! 41. Tai tượng	! Tai tượng tròn	! " 1,0 " !	51
!	! 42. Nhối	! Xanh xương, nhái	! " 0,5 " !	52
!	! 43. Đao	! Rựa, lanh, bình	! " 0,5 " !	53
!	!	! thiên	!	!
!	! 44. Bè thau	!	! " 0,5 " !	54
!	!	!	!	!
!	!	!	!	!
!	! 45. Bướm	! Bướm cổ	! " 1,0 " !	55

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
IV	146. Lỗ ô	Mao	Từ 0,25 trở lên	
	147. Bề Chang		" 1,0 "	
	148. Bón lưỡi	Lưỡi trâu, lưỡi bò,	" 0,5 "	56
	trâu	bón cát		
	149. Uổp	Đỏ da	" 0,2 "	57
	150. Đục	Đục trắng, đục hoa,	" 0,1 "	58
		đục chấm		
	151. Kẽn		" 0,5 "	59
	1. Nhồng		Từ 0,03 đến	
			dưới 1,0	
	12. Nục		Dưới 0,03	
	13. Dưa		" 1,0	
	14. Ngừ		" 0,5	
	15. Kẽm		" 0,5	
	16. Sòng		" 0,5	
V	17. Ngừ dưa		" 0,5	
	18. Bánh đường		Từ 0,1 đến	
			dưới 0,5	
	19. Thồn bón		Dưới 0,05	
	110. Hổ		" 0,3	
	111. Lằm		Từ 0,02 đến	
			dưới 0,03	
	112. Cờ		Dưới 1,0	
	113. Nang hầu		" 1,0	
	114. Phèn		Từ 0,03 đến	
			dưới 0,05	
	115. Mối		Dưới 0,1	

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
!	! 16. Lưỡng	!	! Dưới 0,05	!
!	! 17. Mố	!	! " 0,5	!
!	! 18. Bè lão	!	! " 0,5	!
!	! 19. Chim Ấn Độ	!	! Từ 0,03 đến	!
!	!	!	! dưới 0,05	!
!	! 20. Hiên	!	! Dưới 0,2	!
!	!	!	!	!
!	! 21. Mồi	!	! Từ 0,03 đến	!
!	!	!	! dưới 0,05	!
!	! 22. Sạo	!	! Dưới 0,5	!
!	! 23. Chai	!	! " 0,1	!
!	! 24. Dù	!	! " 0,5	!
!	! 25. Chuồn	!	! Từ 0,05 đến	!
!	!	!	! dưới 0,2	!
!	!	!	!	!
!	! 26. Én	!	! Từ 0,1 đến	!
!	!	!	! dưới 0,2	!
!	V 127. Trích	!	! " 0,02 " 0,05	!
!	! 28. Tai tượng	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	! 29. Nhói	!	! " 0,2 " 0,5	!
!	! 30. Dao	!	! " 0,2 " 0,5	!
!	!	!	!	!
!	! 31. Bè thau	!	! " 0,2 " 0,5	!
!	! cước	!	!	!
!	! 32. Bướm	!	! " 0,3 " 1,0	!
!	! 33. Lồ ô	!	! " 0,1 " 0,25	!
!	! 34. Bè chang	!	! " 0,5 " 1,0	!
!	! 35. Bùn	!	! " 0,2 " 0,5	!
!	! lưới trâu	!	!	!

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
!	!	!	!	!
!	36. Uốp	!	Từ 0,1 đến 0,2!	!
!	37. Đục	!	" 0,05 " 1,0!	!
!	38. Kẽn	!	" 0,3 " 0,5!	!
!	39. Gúng	! Thiều, úc, ưt	! Từ 1,0 trở lên!	60 !
!	40. Giống	!	! Từ 3,0 đến 10,0	61 !
!	!	!	!	!
!	41. Mập	! Nhám, ngoéo, mập	! Từ 2,0 đến 5,0!	62 !
!	!	! Mả Lai, nhám cào	!	!
!	42. Chứa	!	! Từ 0,5 trở lên!	- !
!	43. Dĩa	! Dĩa vàng, dĩa bạc	! " 0,3 "	! 63 !
!	44. Mạu	! Mạu, bẹ ấn	! " 0,08 "	! 64 !
!	45. Lẹp	! Róp, gà, lẹp haiquai!	! " 0,05 "	! 65 !
!	46. Ốt	! Ốt thịt, liệt, liệt	! " 0,3 "	! 66 !
!	!	! môm ngắn, ngãng	!	!
!	V !	! ngựa .	!	!
!	!	!	!	!
!	47. Nâu	! Dia, chấm, nâu	! " 0,1 "	! 67 !
!	48. Chỉ vàng	!	! " 0,05 "	! 68 !
!	49. Rô biên	!	! " 0,5 "	! 69 !
!	50. Kim	! Kim gioóc	! " 0,1 "	! 70 !
!	!	!	!	!
!	51. Đuối	! Đuối bông, đuối môm!	! " 3,0 "	! 71 !
!	!	! nhọn, đuối trunghoa!	!	!
!	52. Ép	! Bàn ép	! " 0,1 "	! 72 !
!	53. Lành canh!	!	! " 0,05 "	! 73 !
!	54. Trác	! Trác dài vây đuôi	! " 0,2 "	! 74 !
!	!	! trác ngắn vây đuôi	!	!
!	!	! sơn thóc, trác đuôi!	!	!
!	!	! vàng.	!	!
!	55. Com	! Com than, com trắng	! Không kể khối	! 75 !
!	!	! com đỏ ruột, trong	! lượng	!
!	!	! suốt, sọc thiếc,	!	!
!	!	! com biên	!	!

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
V	156. Thoi vàng, thoi bạc		!Không kể khối lượng	!
	157. Bò	Bò da, bò giấy	Từ 0,5 trở lên	76
	1. Nhồng		Dưới 0,03	!
	2. Lầm		" 0,02	!
	3. Phèn		" 0,03	!
	4. Chim Ấn Độ		" 0,03	!
	5. Mòi		" 0,03	!
	!		!	!
	6. Chuồn		" 0,05	!
	7. Én		" 0,1	!
	8. Trích		" 0,02	!
	9. Tai tượng		" 0,5	!
	10. Nhói		" 0,2	!
	!		!	!
VI	11. Đào		" 0,2	!
	12. Bè thau		" 0,2	!
	cước		!	!
	13. Bướm		" 0,3	!
	14. Lồ ô		" 0,1	!
	15. Bè chang		" 0,5	!
	!		!	!
	16. Bơm lưỡi		" 0,2	!
	trâu		!	!
	17. Uớp		" 0,1	!
	18. Dục		" 0,05	!
	19. Kén		" 0,03	!
	20. Bánh dồng		" 0,1	!
	!		!	!

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
!	! 21. Gúng	!	! Từ 0,3 đến	!
!	!	!	! dưới 1,0	!
!	! 22. Giống	!	! Dưới 3,0; Trên 10,0	!
!	! 23. Mập	!	! Từ 05 đến dưới	!
!	!	!	! 2,0 và trên 5,0	!
!	! 24. Chứa	!	! Dưới 0,5	!
!	! 25. Dĩa	!	! " 0,3	!
!	!	!	!	!
!	! 26. Mâu	!	! " 0,08	!
!	! 27. Lẹp	!	! " 0,05	!
!	! 28. Ốt	!	! Từ 0,1 đến dưới 0,3	!
!	! 29. Nâu	!	! Dưới 0,1	!
!	!	!	!	!
! VI	! 30. Chỉ vàng	!	! " 0,05	!
!	! 31. Rô bi ền	!	! " 0,5	!
!	! 32. Kìm	!	! " 0,1	!
!	! 33. Đuối	!	! " 3,0	!
!	! 34. Ép	!	! " 0,1	!
!	! 35. Lành canh	!	! " 0,05	!
!	!	!	!	!
!	! 36. Trác	!	! " 0,2	!
!	! 37. Bò	!	! Từ 0,3 đến dưới 0,5	!
!	! 38. Hồ rẻo	! Phươn	! Không kể khối	!
!	!	!	! lượng	!
!	! 39. Sơn	! Sơn mỡ, sơn	!	!
!	!	! trắng, sơn sọc	!	!
!	! 40. Căng	! Ong	!	!
!	! 41. Ngạnh	!	!	!
!	! 42. Dánh	!	!	!
!	! 43. Bã trầu	!	!	!
!	! 44. Chuồn dất	! Chuồn đỏ	!	!
				! 77 !
				! 78 !
				! - !
				! 79 !
				! 80 !
				! 81 !

Bảng 1 (Tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Gúng		Dưới	0,3	
2. Bò		"	0,3	
3. Mập		"	0,5	
4. Khoai	Cháo	Không kể khối		
		lượng		82
VII 5. Mòng gà	Mào gà	"		83
6. Suối vảy		"		-
7. Mềm		"		84
8. Ốt		Dưới	0,1	
9. Các loại cá		Không kể khối		
tap khác		lượng		-

Chú thích : Các loại cá dưa, cá thủ không còn bong bóng. Các loại cá giống, cá mập không còn vây .

ĐỐI CHIẾU TÊN CÁ VỚI TÊN LOÀI TRONG NHÓM

TABLE 16/49 TCVN 3250-88

Phụ lục 1 của TCVN 3250-88

Bảng 2

Tên cá		Tên loài trong nhóm		Tên tiếng Nga		Tên tiếng Anh		Hình vẽ
Số	trai	hoặc	Tên khoa học	Tên tiếng Nga	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Anh	phụ lục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bóp	Giò, (mép)	Rachycentron canadum (Linne 1766)	Серпантанта рыба	Runner, prodigal son	Cabio	1	1
2	Cam	Cam sọc vàng	Seriola aureovittata	Золотистая лакедра	Dak-banded yellow tail	2	2	2
3	Cu bầu	Cu nâu, cu	Seriola dumerili (Risso)	Коррлада китайская лакедра	Amberjack, greter	amberjack	-	-
4	Chim trắng	Chim trắng (giang)	Pampus argenteus	Серебристый памп	Harvestfish, butterfly	silvery pomfret	3	3
5	Chim đen	Chim đen	Formio niger (Bloch 1792)	Ворон-рыба	Black butterflyfish, black!	pompet	4.1	4.1
6	Chim	Chim	Psenopsis anomala	Японский псенопс	Wart perch	4.2	4.2	4.2
7	Chim	Chim	Tamnnck 1844	Белый морской окунь, латекс.	White sea bass, silver seaperch	5	5	5

Bảng 2 (tiếp theo)

TCVN 3250-88 trang 17/49

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Khế	!- Khế vàng, ! (háo sáu sọc)	! Caranx sexfasciatus ! ((Quay et Gaimard 1824))	! Шестиполосый каранкс	! Six-banded jack, banded	! 6.1
		!- Khế lưỡi đen, ! (viên, hiệu)	! Caranx malabaricus ! ((Bloch 1801))	! Малабарская кавалла	! cavalla	! 6.2
		!- Háo không răng	! Gnathanodon speciosus ! ((Forsk. 1775))	! Золотой каранг	! Cavalho goldep toothless	! 6.3
		!- Háo mình cao	! Caranx equula ! ((Temm. et Schl 1844))	! Белоперая кавалла	! trew illi	! 6.4
8	Nhỡ	! Tráp đỏ	! Pagrosomus major ! ((Temm. et Schl 1843))	! Красный парг, морской ! красный карась	! Gerime porgy, snapper	! 7
9	Nhự	!- Lự, (lậu, chét, ! gộc, mằm), ngựa	! Eleutheronema ! tetradactylum ! ((Shaw 1804))	! Четырехпалый ! палыценёр	! sea bream	! 8
10	Song	!- Mú, (song tro, ! song đen)	! Epinephelus awoara ! ((Temm. et Schl 1842))	! Групёр авоара	! Greenhata	! 9.1
		!- Song chấm xanh, ! (mú chấm xanh)	! Epinephelus ! chlorostigma	! Круинопятнистый ! групёр	! Spotted spanish ! mskarell	! 9.2
		!- Song chấm đỏ, ! (song đỏ, mú hồng)	! Epinephelus akaara ! ((Temm. et Schl 1842))	! Групёр	! Garrupa	! 9.3
11	Thu	!- Thu chấm	! Scomberomorus guttatus ! ((Bloch 1801))	! Индийская макрель, ! пятнистая испальская ! макрель	! Spotted spanish ! mskarell	! 10.1
		!- Thu ầu chấm xanh	! Scomberomorus ! niphonius (Cuvier 1831)	! Мелкопятнистая макрель	! Spanish mackerel	! 10.2
		!- Thu vạch	! Scomberomorus, ! Commerisoni ! ((Lacepede 1800))	! Полосчатая ! макрель	! Spanish mackerel	! 10.3

Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	!	!
12	Thú	Sú, (thú)	Otolithoides miiny	-	Chinese mackerel, green mackerel	10.4
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	Bronze croaker	-
!	!	!	!	!	!	!
13	Đé	Bẹ dài, (dé)	Ilisha elongata	Vосточная илша,	Chinese herring	11
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	Creek red bream, dog	!
!	!	!	!	!	bream, Gray spapper	-
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	Kingfish	12
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	Atlantic cambooth	13
!	!	!	!	!	!	!
17	Bè cam	Thu bè, (bè bè,	Chorinemus lysan	Lươn	Yellow leatherjacket	14
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	!	!
!	!	!	!	!	!	!
18	Đổi	Đổi lưng gù,	Mugil carinatus	Khelepiinna kephal,	Black mullet, bully	15
!	!	!	!	!	mullet	!
!	!	!	!	!	Borned mullet	-
!	!	!	!	!	!	!

Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	Bạc má		Rastrelliger	Kanagurta, Индийская	Indian mackerel	16
			kanagurta (Cuvier 1829)	океанская скумбрия		
20	Nhông	Nhông sọc	Sphyræna jello	Черночёрная барракуда	Banded barracuda	
			(Cuvier 1829)	полосатая барракуда	barracuda,	
					Dingo-fish	17
21	Nục	Nục sỡ, (mục	Decapterus maruadsi	Старрида-маруадзи,	Round head, jack	18
		! thuyền, mục đỏ	(Temm. et Schl 1844)	сигара-рыба	mackerel	
		! đuôi)				
22	Tráp	Tráp đen đầu	Sparus macrocephalus	чёрный морской карась	Black porgy	19.1
		! to	(Bary 1914)			
		! Tráp vàng,	Tains tumifrons	Жёлтый морской карась	Yellow porgy	19.2
		! (hạnh vàng, hạnh)	(Temm. et Schl 1843)			
23	Ngân	Ngân bột, (róc)	Atule djeddaba	Ален, дежедаба	Cavally, yellow tail	20.1
		! cam)	(Forsk. 1775)		kingfish	
		! - Xay, (say)	Atule Kalla	Калла	Deer-bodied crevalle,	
			(Cuv. et Val)		golden scad	-
		! - Cam vây đen	Atule malam	Чернопёрый ален	Thousand mension	20.2
		! (Khếvây lưng đen)	(Bleeker 1851)			
24	Măng	Măng biển	Chanos chanos	Xанос	Bango, milkfish	-
			(Forsk. 1775)			
25	Thòn	Bon ngộ (bon	Psettodes erumei	Индийский пеетод	Spring-rayed flounder,	21
		! chỏ, ngộ)	(Bloch et. Schl, 1801)	Камреченерая камбала	bigmouthed flounder	
26	Dừa	Lạc, (lạt, dừa)	Muraenesox	Индийский изукорым	Indian pike-conger	22.1
			talabnoides	угорь		
			(Bleeker 1853)			
		! - Dừa răng nhọn	Muraenesox cinereus	Серебристый шукорыл,	Conger eel, conger	22.2
			(Fors. 1775)	острозубый угорь,	pike	
				муненонука.		

Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
27	Ngát	Ngát, (ngúc, lầu, sấu)	Plotosus anguillaris (Bloch 1797)	Колпчий морской сом	(Stripedseacatfish, plotosit catfish)	23
28	Hồng	Hồng chấm	Lutianus johni (Bloch 1792)	Пятнистый луциан	Johns snapper	24.1
			Lutianus erythropterus (Bloch 1790)	Красноперый луциан	Snapper	24.2
			Lutianus vitta (Quay. et. Gai 1824)	Луциан-вита	Blackstriped snapper	24.3
			Lutianus sebae (Cuv. et Val. 1826)	Бурополосый луциан	Emperor red snapper	24.4
29	Ngừ	Thu ngừ, (ngừ bò chấn, thu hủ, trừ)	Auxis thazard (Lacépède 1802)	Макарелевый тунец, фрегамакерель	Frigate mackerel	25
30	Kẽm	Kẽm (kẽm hoa)	Pleotorhynchus pictus (Thun berg 1792)	Мелкочешуйный гатерин	Painted grunt, painted sweetlip	26
31	Sòng	Sòng cộ	Trachurus japonicus (Temme et Schl. 1844)	Японская ставрида	Japanese horse mackerel, saurel	27.1
			Megalaspis cordyla (Linne 1758)	Крупношнитковая ставрида	Hardtail, mackerel scad	27.2
32	Ngừ dưa	Ngừ sọc dưa, (ngừ vằn, ngừ sọc chấm)	Katsuwonus pelamis (Linne 1758)	Лососатый тунец, Океанский бонито, Бонито, Малый тунец-бонито.	Arctic bonito, bonito ocean, bonito	
33	Bánh	Miến sành bốn	Argyrops spinifer (Forsk. 1775)	Аргиропе, Длинноперый	Bowen snapper, fryingspan snapper	28.1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
!	!	! Miền sành hai	! Paragryrops edita	! Краснопёрный морской	! Red-fin pargo	! 28.2
!	!	! gai, (tráp gai	! (Tanaka 1916)	! карась	!	!
!	!	! dài)	!	!	!	!
34	! Hố	! Hố	! Trichiurus haumela	! Сабля, Волосохвост,	! Atlantic cutlassfish	! 29
!	!	!	! (Forskal 1775)	! Ремень-рыба	!	!
35	! Lầm	! Lầm (dầu, râu,	! Dussumieris hasselti	! Дуссумерия	! Comenon aprat, dnory	! 30.1
!	!	! lầm nhọn)	! (Blecker 1850)	!	! round herring	!
!	!	! Lầm mắt mỡ (lầm	! Etrumeus micropus	! Сельдь-круглобрышка,	! Herring, atlantic	! 30.2
!	!	! Thái bình dương)	! (Schl. 1846)	! Круглая сельдь, Уруме,	! round herring	!
36	! Cờ	! Cờ, (cờ đen, cờ	!	!	!	!
!	!	! Nhật Bản)	!	!	!	!
!	!	! Hq cá cờ	! Histiophoridae	! Ларусник-рыбы	! Sailfishes, spearfishes	!
!	!	!	!	!	! marlins	!
37	! Phèn	! Thèn, (phèn	! Upeneus tragula	! Чернополосая козоборода-	! Bar-tailed goatfish	! 31.1
!	!	! chấm đen)	! (Rich. 1946)	! ка, барабулька	!	!
!	!	! Phèn giải vòng!	! Pseudupeneus	! Красная зубатая	! Goatsish, redmullet	! 31.2
!	!	!	! chrysopleuroides	! барабулька	!	!
!	!	!	! (Schlegel 1843)	!	!	!
!	!	! Phèn hai sọc	! Upeneus sulphureus	! Жёлтая султанка,	! Blackedgel goatfish,	! 31.3
!	!	! (phèn vân vàng)	!	! жёлтая козоборода	! salmonet	!
!	!	! Phèn khoai	! Upeneus bensei	! Краснобрюхая барабуля	!	! 31.4
!	!	!	! (Temm. et Val. 1854)	!	!	!
!	!	! Phèn một sọc	! Upeneus moluccensis	! Черноговостая	! Golden bended goat-	! -
!	!	!	! (Blecker 1853)	! козоборода	! fish	!

Bảng 2 (tiếp theo)

[illegible]

Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
42	Chim Ấn Độ	Chim Ấn Độ	Pseudes indicus (Day 1870)	Ариамма	Butter-fiah	35
43	Hiên	Bàn xa, (hiên)	Drepane punctata (Linne 1758)	Пятнистая дрепана	Batfish, concertina fish, spotted stickle fish	36.1
		chấm, khiên				
		bằng chạng)				
		Hiên vằn	Drepane longimana (Block et Schneider)	Полосатая дрепана	Banded drepane, banded sicklefish	36.2
		(khiên dài)				
44	Mòi	Mòi dầu, (mòi)	Clupanodon punctatus (Sch legol 1846)	Пятнистый киноспир,	Gizzard shad, spotted sardino	37.1
		chấm)		Пятнистая тупорылка,		
		Mòi cờ	Clupanodon thrissa (Linne 1758)	Клюпадон	Grizzard shad	37.2
		Mòi không răng	Anodontostoma chacunda	Короткоперая	Short-finned gizzard shad	37.3
			(Hamilton 1822)	тупорылка		
45	Sạo	Sạo	Pomadasys hasta (Bloch 1790)	Ворчук, Пятнистый порчун	Silver-spotted grunt	38.1
		Sạo ba sọc	Parapristipoma trinileatum (Thunberg 1793)	Трёхлинейная парапристинома	Grunter, threeline grunt	38.2
46	Chai	Chai	Platiceplalus indicus (Linne 1758)	Индийский плоскоголов	Gurnard, sand gurnard, sand scraper	39
47	Đù	Đù bạc, (úp, nặng, sủ)	Argyrosomus argentatus (Houttuyn 1782)	Белый горбыль	Golden jiewfish	40.1
		Đù gai (sủ bông)	Wibea diseantus (Lacépède 1802)	Пятнистый горбыль	Spotted creaker	40.2
		Đù nanh	Wibea albiflora (Rich 1846)	Нибей	Rencador, spotted meigre	40.3

Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
48	Chuồn	Chuồn(chuồn xanh)	Cypselurus posillip- terus (Cuv.et.Val 1846)	Lơngchay rya, Пятнистый стрижехвост	Flyingfish	41
49	Ế	Ế, giang, (chim trắng đuôi én)	Etmatecides nozawbe ishikawa			-
50	Trích	- Nhâm (trôi mươ, trích tròn, trích bầu, bô, ve)	Haregylata mymphata	Tembang Круглая сардина, Алажа Морской нетопыр	Golstripe sardinella Gilt sardine, gilt pilchord Leaf-fish, sea bat, batfish Orbfish	42.1 42.2
51	Tai tượng	- Trích xương - Trích lăm - Tai tượng - Tai tượng tròn	Sardinella juseleu (Vel. 1847) Sardinola aurita (Val. 1847) Platax orbicularis (For. 1775) Rphippus orbis (Bloch 1788)	Рыба- лопата, Эфипп	Comon gar, hound fish	-
52	Nhói	- Nhói, (nhóai, nhai) - Xanh xương	Tylosurus giganteus (Temmet Schl 1846) Ablennes anastonella (Cuvet Val. 1846)	Гигантский сарган, икороткорылый жилозур Дальневосточный сарган	Green ger, needlefish pacific needlefish Wolf herring, dorab, silver barfish	-
53	Đao	Rya, (lạnh, bình, thiên)	Chirecentrus dorab (For. 1775)	Зубастая сельдь, сельдь-дораб		44
54	Bè thau	Bè thau cước				-
	cước					-

Bảng 2 (tiếp theo)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
55	Bướm	Bướm cổ	Chaetodon collaris (Bloch 1787)	Рыба-бабочка, белогалстучник	White-collared	45
56	Bon lưi	Lưi trâu, (lưi bò)	Cynoglossus jouneri (Günther 1879)	Красный косорот	Tongue sole	-
			Cynoglossus		Tongue sole	-
			melampetatos (Rich)			
57	Uớp	Đỏ dẹ				
58	Đục	Đục trắng	Sillago sibama (Forsk. 1775)	Силлага-сихама	Silver sillago, silver whitings	-
			Sillago maculata (Quoy et Gaimard 1824)	Пятнистая силлага	Sand-borer, spotted asokes	-
59	Kến	Kến	Lobotes surinamensis (Bloch 1790)	Суринамский лобот	Block greent, black parch	-
			Arius thalassinus (Riip 1839)	Морской сом	Cat-fish, Giant catfish	46
60	Gúng	Úc, (thiều, úc, gúng)				
61	Giống	Giống, (đuối dài, đuối lười cày)	Rhinobatidae	Морские гитары, рохлевые, длинные скаты, акулообразные скаты	Guitarfishes	
			Sphyrus blochit (Cuver, 1897)	Большоголовая молот-рыба	Mallet-sharks	47.1
62	Mập	Mập (mập Mãi)	Sphyrus blochit (Cuver, 1897)	Молот-рыба		47.2
			Sigannus oreamin (Bloch 1801)	Пестряк-орамин	Rabbitfish, sliny, spiny, whitespotted spinefest	48

Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
64	Mộ	Mộ (bệ ấn)	Ilisha indica	Индо-тихоокеанская	Indian shad	-
65	Lệ	Lệ, (rốp, gà, lệ hai quai)	(Spainser 1839)	имеца		49
66	Ố	- Ố thịt	(Bloch et Schl 1801)	Усатая трисса	Mustached anchovy	150.1
			Leioognathus elongatus	Сребробрюшка	Goldetripe ponyfish	150.2
			(Glin ther 1874)		slender ponyfish	
			Leioognathus brevirostris	Сребробрюшка	Slender ponyfish	
			(Cuvet. Val. 1835)		Comon ponyfish	
			Leioognathus edantolus	Большая сребробрюшка		
			(Bloch 1785)			
67	Nâu	Đĩa, (chăm, nâu)	Oplegnathus punctatus	Пятнистый оплегнат	Rock porgy	-
			(Temme et Schl 1844)			51
68	Chỉ vàng	Chỉ vàng	Selaroides lentolepis			
69	Rô biển	Rô biển	Chromis notatus	ХХромис	Coral-fish, Demoiselles	-
			(Temme et Schl 1843)			
70	Kim	Kim, (kim góc)	Hemirhamphus georgii	Полурылы	Bellyhoo	-
			(Cuv. et Val. 1846)			
71	Đuối	Đuối hồng	Dasyatis kuhlii	Японский хвосток	Blue-spotted stingray	52.1
			(Mii, et Han 1841)	Тянистый хвосток		
			Dasyatis zugei	Острорылый хвосток	Long snouted stingray	52.2
			(Mii, et Han 1841)			
			Dasyatis sinensis	Китайский хвосток		
			(Steindachner 1892)			52.3

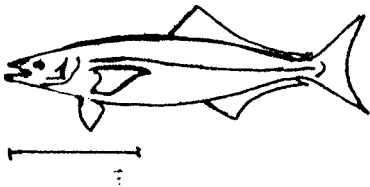
Bảng 2 (tiếp theo)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
72	Ếp	Bàn ép	Echeneis naucrates, (Linne 1758)	Прилипало	Shark sucker	-
73	Lành	Lành canh, (đuôi)	Colia grayi (Linne 1758)	Коллия	Anchovy	-
74	Trác	Trác dài vây	Priacanthus tayenus (Rich. 1846)	Красноглазый бычеглаз	Red-eyefish, sepi	53
		đuôi (sơn thóc)	Friacanthus macracanthus (Cuvier 1829)	Колпчий бычеглаз	Red-bieys	-
75	Com	Com than, (com trắng, com đỏ, com trắng, trong suốt, sọc thiếc)	Anchoviella commersom (Locépede 1805)	Анчовиела	Long-jawed anchovy	54
76	Bò	Bò da	Abalistes stellaris (Bloch. 1801)	Абалист	Starry tigerfish	-
		Bò giấy	Monacanthidae spp	Курковые	Filefish	-
77	Son	Son, (sơn mỗ)	Apogon semilineelis (Temm. et Schl. 1842)	АПОГОЛ	Bottom-perch, Indian little fish	-
		Son nửa sọc	Apogon lineatus (Temm. et Schl. 1842)	АПОГОЛ, дальне-восточный апогол	Indian perch, cardinal fish	55
		Son trắng	Therapon theraps (Cuv. et Val. 1829)	Терапон, обыкновенный	Grunnt, tigerfish	56
		ong (căng)		терапон		

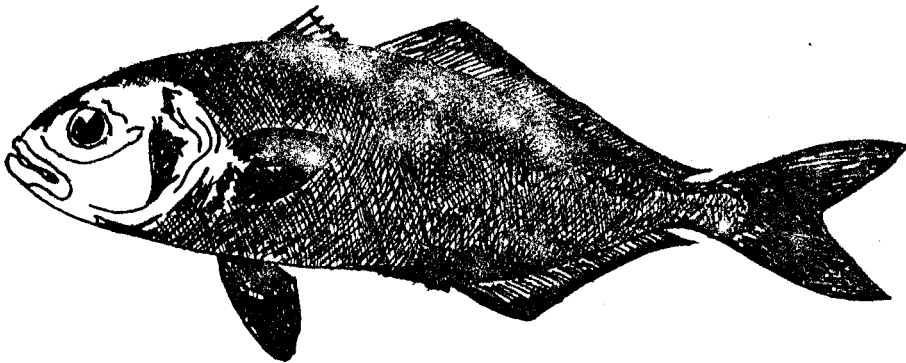
Bảng 2 (tiếp theo)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
79	Danh	Danh	<i>Pseudorhombus arsius</i> !	Исседоролев	!	Large-toothed flounder
	!	!	!	(Ham. et Buch 1822) !	!	Smoothscaled brill
80	Bã	Mao tiêu	<i>Mineus monodactylus</i> !	!	!	!
	!	!	!	(Bloch.)	!	!
81	Chuồn	Chuồn đất	<i>Dalcocus petarseni</i> !	Дегучка	!	Flying gurnard
	!	!	!	(Hyathom. 1887)	!	!
82	Khoai	Khoai (cháo)	<i>Harpogon nehereus</i> !	Бомбиль	!	Bombay-duck
	!	!	!	(Buch, et . 1882)	!	!
83	Mồng	Mồng gà, (mào	<i>Salarias fasciatus</i> !	-	!	-
	!	gà)	(Bloch.)	!	!	!
84	Mồm	Mồm,	<i>Pictularis (Cuvier)</i> !	-	!	-
	!	!	!		!	!
	!	!	!		!	!

Bảng 2 (tiếp theo)

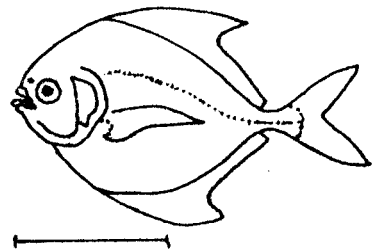
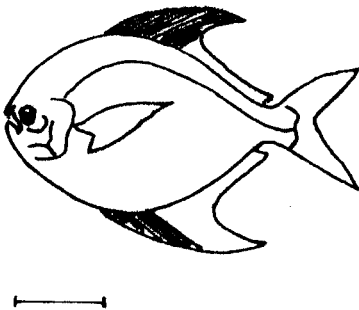
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
72	Ếp	Bàn ếp	Echaneis naucrates, (Linne 1758)	Припало	Shark sucker	-
73	Lành	Lành canh, (đuôi)	Colia grayi (Linne 1758)	Коллия	Anchovy	-
74	Trác	Trác dài vây	Priacanthus tayenus (Rich. 1846)	Красноглазый бычеглаз	Red-eyefish, sepi	53
75	Com	Com than, (com trắng, com đỏ, com trắng, trong suốt, sọc thíc)	Priacanthus macracanthus (Cuvier 1829)	Колгоий бычеглаз	Red-bieys	-
76	Bò	Bò da	Anchoviella commerson (Lacépède 1805)	Анчовиела	Long-jawed anchovy	54
77	Son	Son, (son mỡ)	Abalistes stellaris (Bloch. 1801)	Абалист	Starry tigerfish	-
78	Căng	Căng	Monacanthidae spp (Tamm. et Schl. 1842)	Курковые	Filefish	-
			Apogon semilineelis (Tamm. et Schl. 1842)	Апогол	Bottom-perch, indian	-
			Apogon lineatus (Tamm. et Schl. 1842)	Апогол, дальне	little fish	55
			Therapon theraps (Cuv. et Val. 1829)	Восточный апогол	Indian perch, cardinal fish	56
				Терапон, обыкновенный	Grun, tigerfish	!
				Терапон	!	!



1. Bóp (*Rachycentron canadum*)
Linné, 1766

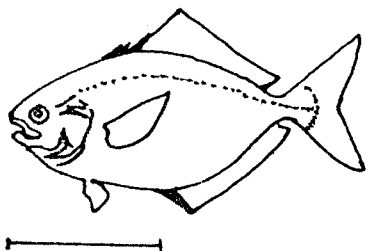


2. Cam *Seriola nigrofasclata*

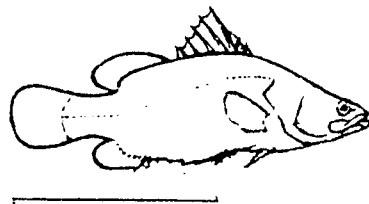


3. Chim trắng (*Pampus argenteus*) 4.1. Chim đen (*Forimio niger*)
Eupbrassen, 1788 Bloch, 1792

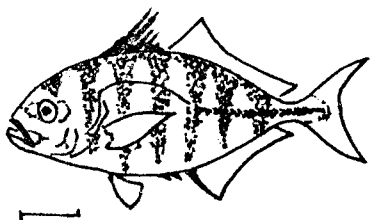
Chú thích : Đường gạch ngang (—) dưới mô hình cá là tỷ lệ xích, có giá trị là 100 mm.



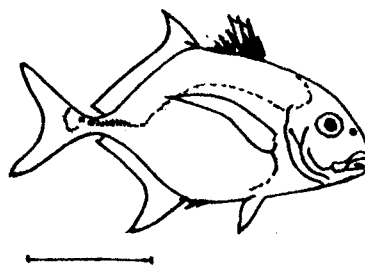
4.2. Chim gai (*Psenopsis anomala*)
Temminck, 1844



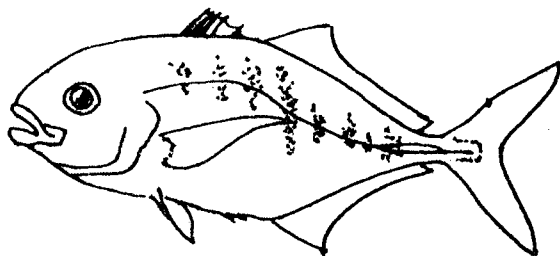
5. Vược trắng (*Lates calcarifer*)
Bloch, 1790



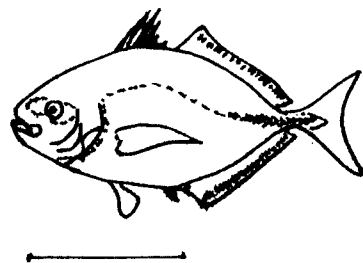
6.1. Háo sáu sọc (*Caranx sexfasciatus*)
Quoy et Gaimard, 1824



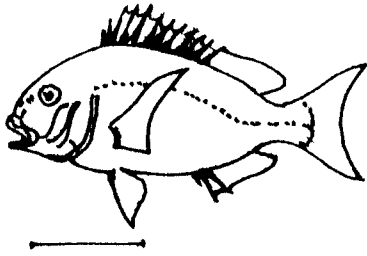
6.2. Hiếu (*Caranx malabaricus*)
Bloch, 1801



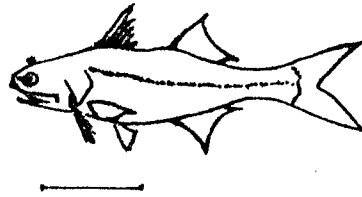
6.3. Háo không răng
(*Gnathanodon speciosus*)
Forskal, 1775



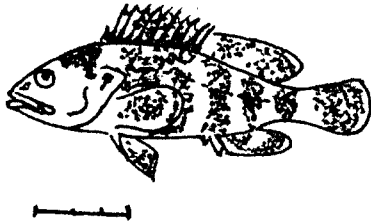
6.4. Háo mình cao
(*Caranx equula*)
Temminck et Schlegel,
1844



7. Nhỡ (*Pagrosomus mazor*)
Temminck et Schlegel, 1843



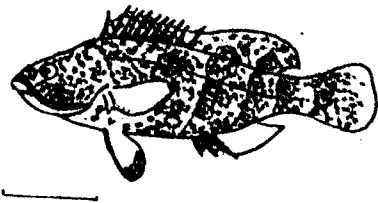
8. Nhu (*Eleutheronema tetradactylum*)
Sbaw, 1804



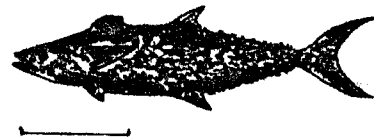
9.1. Mú đen
(*Epinephelus awoara*)
Temminck et Schlegel, 1842



9.2. Mú chấm xanh
(*Epinephelus chlorostigma*)



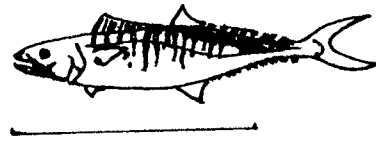
9.3. Song chấm đỏ
(*Epinephelus akaara*)
Temminck et Schlegel, 1842



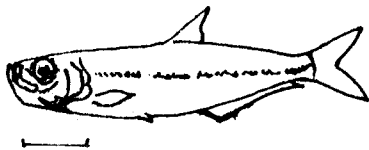
10.1. Thu chấm
(*Scomberomorus guttatus*)
Bloch, 1801



10.2. Thu ầu chấm xanh
(*Scomberomorus niphonius*)
Cuvier, 1831



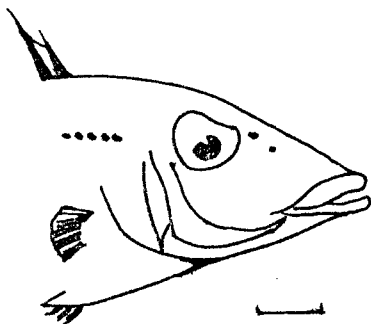
10.3. Thu vạch
(*Scomberomorus commersoni*)
Lacépède, 1800



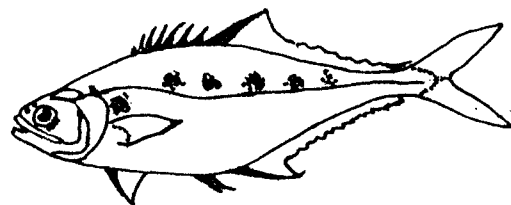
11. Bẹ dài (*Ilisha elongata*)
Bennett, 1830



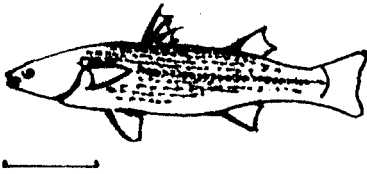
12. Thu ngàn la hầu
(*Acanthocybium solandri*)
Cuvier, 1831



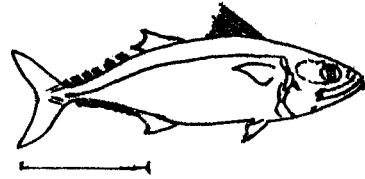
13. Hè vằn (*Lethrinus miniatus*)
Forster, 1801



14. Bè bè (*Chorinemus lysan*)
Forsskal, 1775



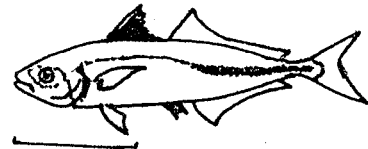
15. Đối lưng gù (*Mugil carinatus*)
Spinefoot



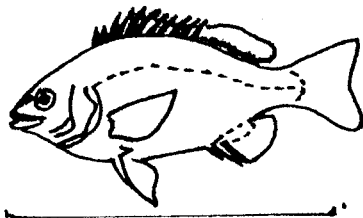
16. Bọc má (*Rastrelliger kanagurta*)
Cuvier, 1829



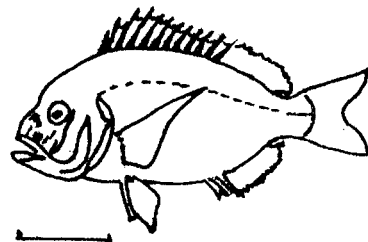
17. Nhòng sọc
(*Sphyræna Jello*)
Cuvier et Valenciennes, 1829



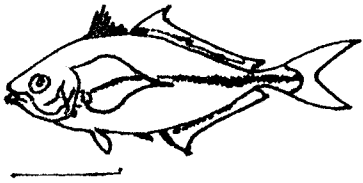
18. Nuc sò
(*Decapterus maruadsi*)
Temminck et Schlegel, 1844



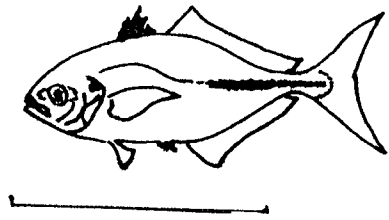
19.1. Tráp đen (*Sparus Latus*)
Berg, 1914



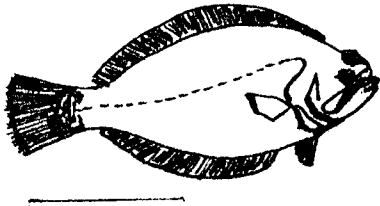
19.2. Tráp vàng (*Taius tumifrons*)
Temminck et Schlegel, 1843



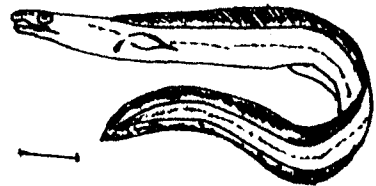
20.1. Cam (*Atule djeddaba*)
Foraskal, 1775



20.2. Cam vây đen
(*Atule malam*)
Bleeker, 1851



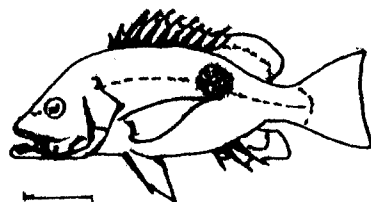
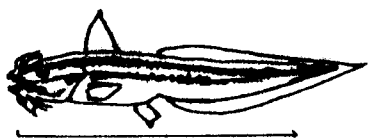
21. Bon chó (*Psettodes erumei*)
Bloch et Schneider, 1801



22.1. Dưa răng nhọn
(*Muraenesox cinereus*)
Forskal, 1775



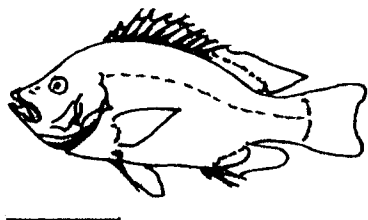
22.2. Dưa (*Muraenesox talabonoides*)
Bleeker, 1853



23, Ngát (*Plotosus anguillaris*)

Bloch, 1797

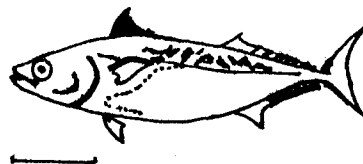
24.1. Hồng chấm
(*Lutianus Johni*)
Bloch, 1792



24.2. Hồng đỏ (*Lutianus erythropterus*)

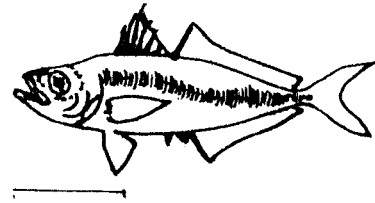
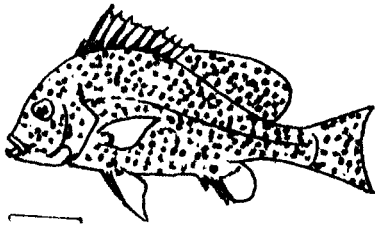
Bloch, 1790

24.3. Hồng dải đen
(*Lutianus vitta*)
Quoy et Gaimard, 1824



24.4. Hồng lang (*Lutianus sebae*)
Cuvier et Valenciennes, 1828

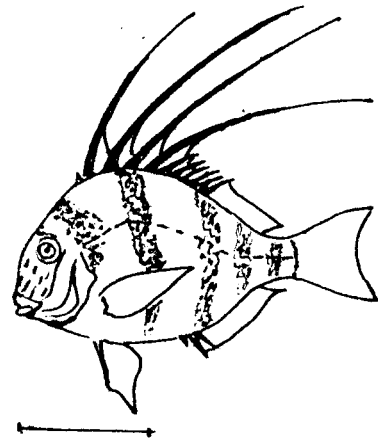
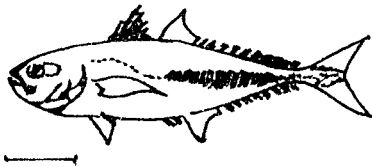
25. Ngừ (*Auxis thazard*)
Lacépède, 1802



26. Kẽm hoa (*Plectorhynchus pictus*)

Thunberg, 1792

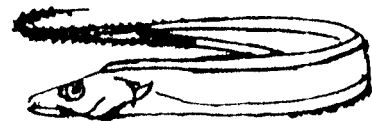
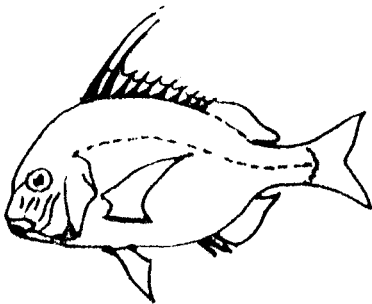
27.1. Sông cô
(*Trachurus Japonicus*)
Temminck et Schlegel,
1844



27.2. Sông gió (*Megalaspis cordyla*)

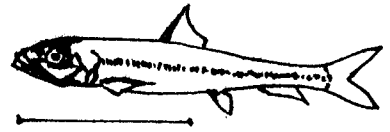
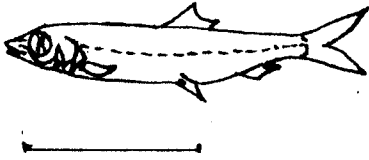
Linné, 1758

28.1. Miễn sành 4 gai
(*Argyrops bleekeri*)
Forskal, 1775



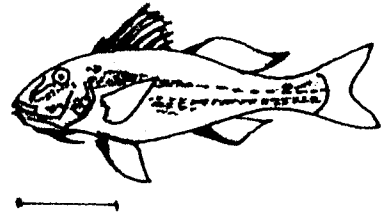
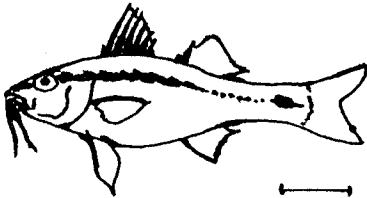
28.2. Miễn sành 2 gai
(*Parargyrops edita*)
Tanaka, 1916

29. Hổ (*Trichiurus haumela*)
Forskal, 1775



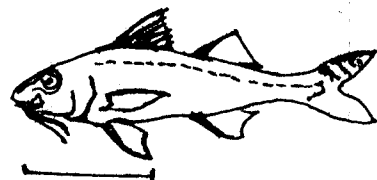
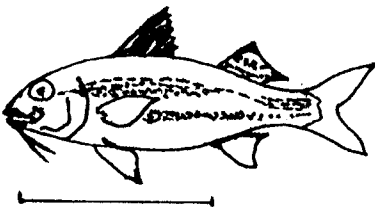
30.1. Laim (*Dussumieria hasselti*)
Bleeker, 1850

30.2. Laim mắt mỡ
(*Etrumeus micropus*)
Schlegel, 1846



31.1. Phèn sọc đen (*Upeneus tragula*)
Richardson, 1846

31.2. Phèn giải vàng
(*Pseudupeneus chrysopleuron*)

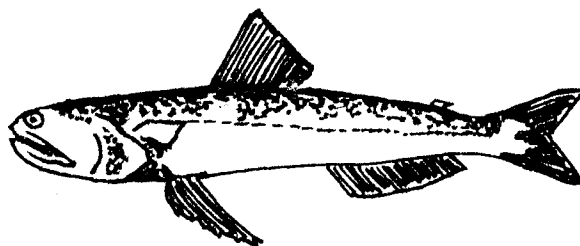


31.3. Phèn 2 sọc
(*Upeneus sulphureus*)
Cuvier et Valenciennes, 1829

31.4. Phèn khoai
(*Upeneus bensasi*)
Temminck et Schlegel, 1854



32.1. Mối dài
(*Saurida elongata*)
Temminck et Schlegel, 1846



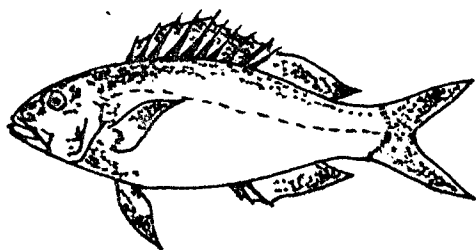
32.2. Mối hoa
(*Trachinocephalus myops*)
Forster, 1801



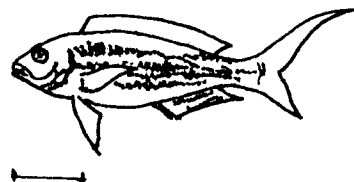
32.3. Mối thường
(*Saurida tumbil*)
Bloch, 1795



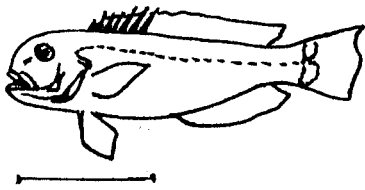
32.4. Mối vạch
(*Saurida undopquamis*)
Richardson, 1848



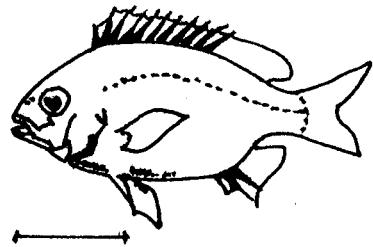
33.1. Lượng ngắn Tôlu
(*Nemipterus tolu*)
Valenciennes, 1830



33.2. Lượng dài vây đuôi
(*Nemipterus virgatus*)
Houttuyn, 1782



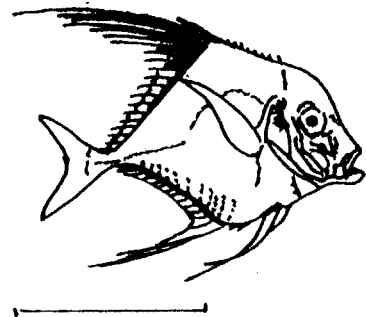
33.3. Lược bằng đầu
(*Latilus Japonicus*)
Houttuyn, 1782



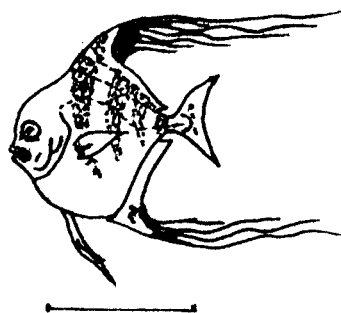
33.4. Lược đá
(*Scolopsis vosmeri*)
Bloch, 1792



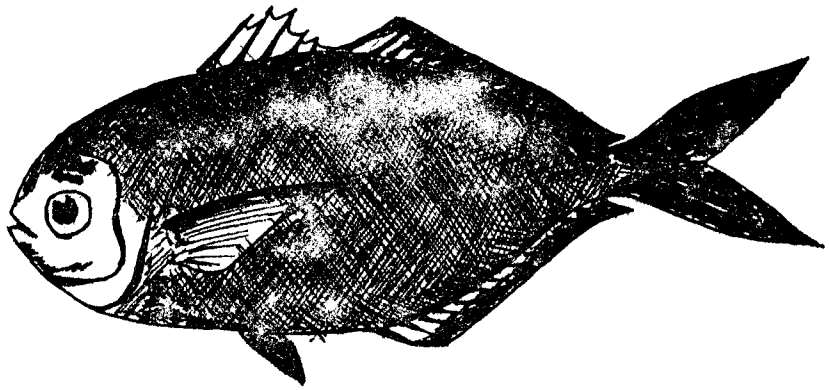
33.5. Lược Nhật
(*Nemipterus Japonicus*)
Bloch, 1791



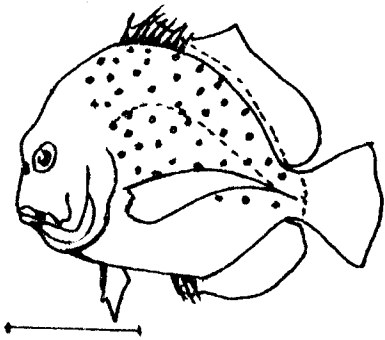
34.1. Ông lão
(*Alectis indica*)
Riippell, 1828



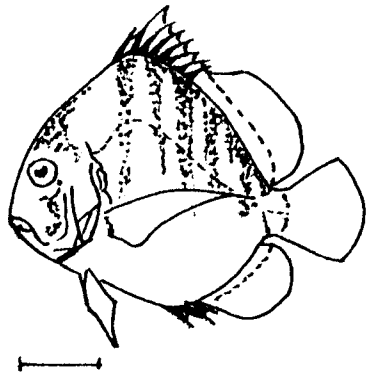
34.2. Ông lão mồm ngắn
(*Alectis ciliaris*)
Bloch, 1788



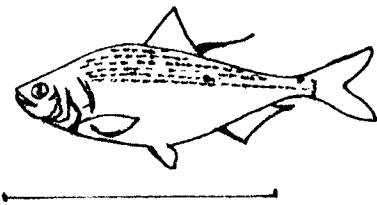
35. Chim Ấn độ (*Pseunops indicatus*)
Day, 1870



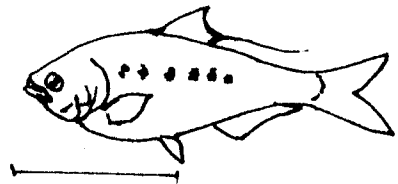
36.1. Hiên chấm (*Drepane punctata*)
Linne, 1758



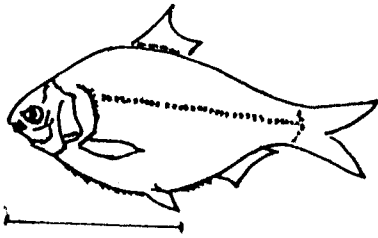
36.2. Hiên vằn
(*Drepane longimanus*)
Bloch et Schneider, 1801



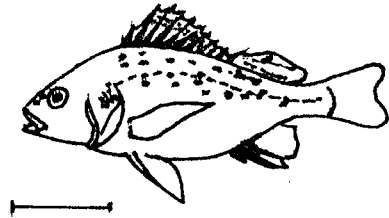
37.1. Mòi chấm
(*Clupanodon punctatus*)
Schlegel, 1846



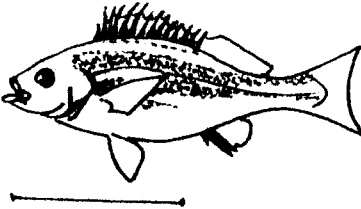
37.2. Mòi cò
(*Clupanodon thrissa*)
Linne, 1758



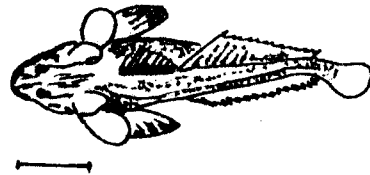
37.3. Mòi không răng
(*Anodontostoma chacunda*)
Hamilton, 1822



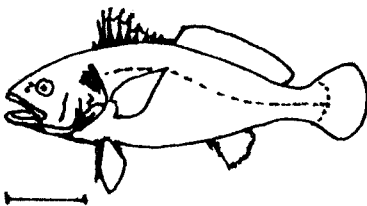
38.1. Sáo
(*Pomadasys hasta*)
Bloch, 1790



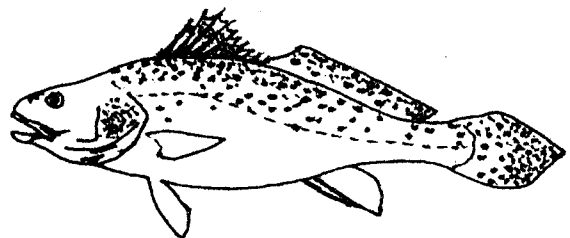
38.2. Sáo 3 sọc
(*Parapristipoma trinileatum*)



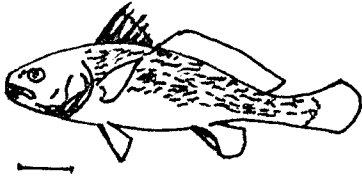
39. Chai
(*Platycephalus indicus*)
Linne, 1758



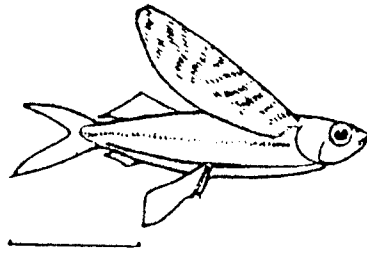
40.1. Đù bạc
(*Argyrosomus argentalus*)
Houttuyn, 1782



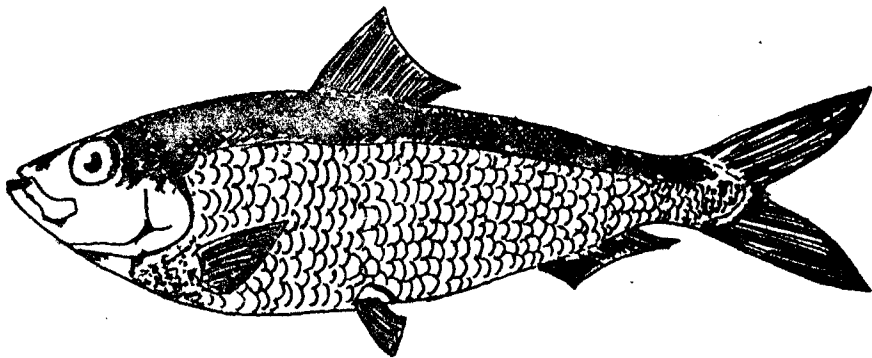
40.2. Đù gai
(*Nibea diacanthus*)
Lacépède, 1802



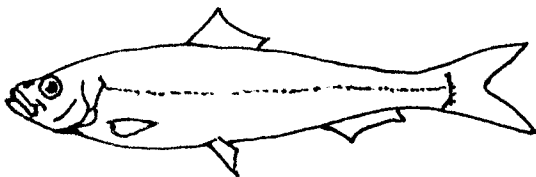
40.3. Đù nanh
(*Nibea albiflora*)
Richardson, 1846



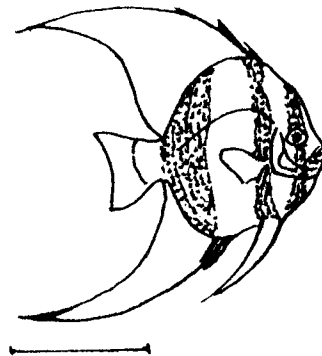
41. Chuồn
(*Cypselus becilopectus*)
Cuvier, 1846



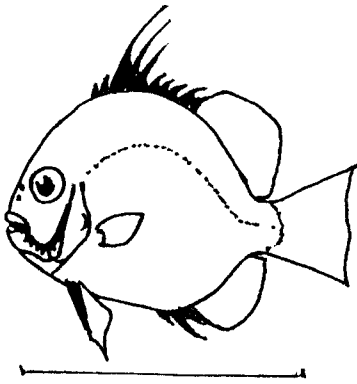
42.1. Trích thần tiên (*Haregula nymphata*)



42.2. Trích làm
(*Sardinella aurita*)
Valenciennes, 1847



43.1. Tai tượng
(*Platax orbicularis*)
Forsk., 1775



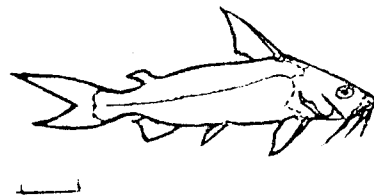
43.2. Tai tượng tròn (*Ephippus orbis*) Bloch, 1788



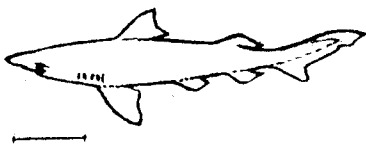
44. Đao (*Chirocentrus dorab*) Forskal, 1775



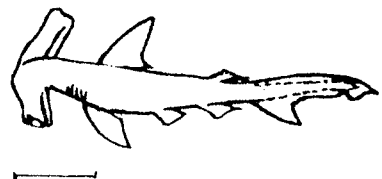
45. Bướm cổ (*Chaetodon collaris*) Bloch, 1787



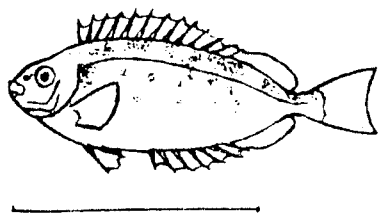
46. Úc (*Arius thalassinus*) Riippell, 1835



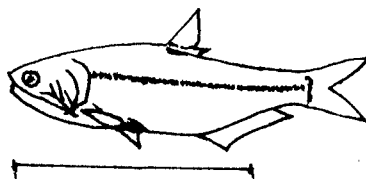
47.1. Mập Mã lai
(*Caracharhinus menisorrh*)
Miiller et Henle, 1841



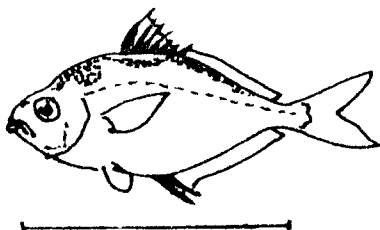
47.2. Nhám cào
(*Sphyrna blochii*)
Cuvier, 1817



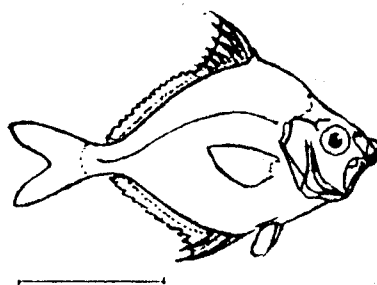
48. Đĩa vàng (*Siganus oramin*)
Bloch et Schneider, 1801



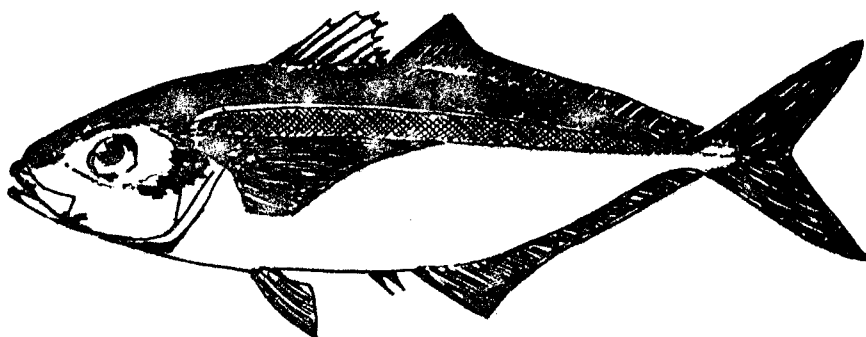
49. Lep (*Thrissocles mystax*)
Bloch et Schneider, 1801



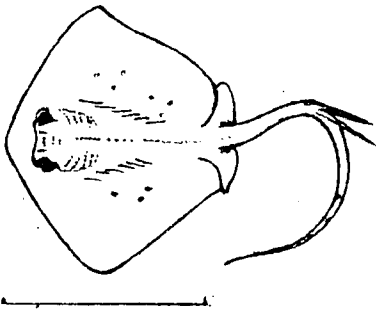
50.1. Liệt mồm ngắn
(*Liognathus brevirostris*)
Cuvier et Valenciennes, 1835



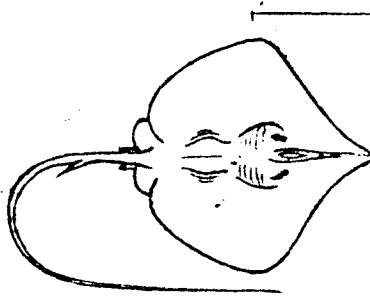
50.2. Ngãng ngựa
(*Liognathus anguillaris*)
Bloch, 1785



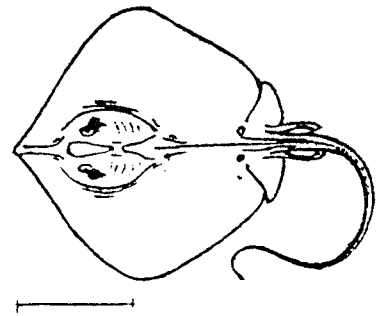
51. Cá chỉ vàng (*Selaroides leptolepis*)



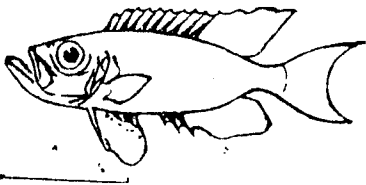
52.1. Đuối bông
(*Dasyatis kuhlii*)
Miiller et Henle,
1841



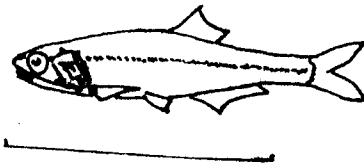
52.2. Đuối mõm nhọn
(*Dasyatis zugei*)
Miiller et Henle,
1841



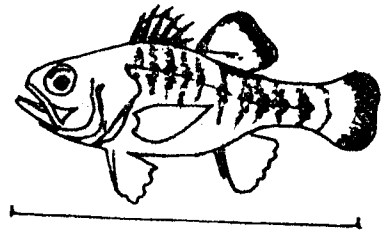
52.3. Đuối Trung Hoa
(*Dasyatis sinensis*)
Steindachner, 1892



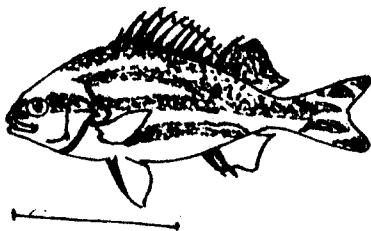
53. Trác dài vây đuôi
(*Priacanthus tayenus*)
Richardson, 1846



54. Com biển
(*Anchoviella commersonii*)
Lacépède, 1803



55. Sơn trắng
(*Apogon lineatus*)
Temminck et Schlegel
1842



56. Căng (*Therapon theraps*)
Cuvier et Valenciennes,
1829



57. Chuồn đất (*Daicocus pentersenii*)
Nystrom, 1887

Phụ lục 3 của TCVN 3250-88 (Tham khảo)

BẢNG THÀNH PHẦN HOÁ HỌC CỦA MỘT SỐ LOÀI CÁ

Tên cá	Thành phần hoá học tính bằng phần trăm so với thịt cá			
	Protit	Mỡ	Nước	Tro
1	2	3	4	5
1. Cơm	18,80	7,10	73,70	1,35
2. Thu chấm	20,39	2,50	75,35	1,39
3. Thu vạch	20,90	1,02	77,20	1,53
4. Lầm	23,00	1,90	75,50	1,70
5. Ngừ	26,50	0,90	72,40	1,30
6. Nhồng	20,60	1,38	74,30	1,30
7. Mòi	18,45	4,60	76,20	1,62
8. Phèn khoai	20,60	1,79	79,70	1,17
9. Dưa	19,40	0,66	80,70	1,10
10. Chấm Ấn Độ	21,66	0,66	80,70	1,10
11. Bẹ dai	19,40	2,50	78,50	1,15
12. Nục sò	20,40	1,14	77,98	4,30
13. Đen lười	19,70	2,50	77,60	1,20
14. Nhụ	20,70	1,00	78,50	1,12
15. Đồi	19,80	1,19	79,70	-
16. Bạc má	20,00	1,90	77,00	1,80
17. Nhỡ	21,70	0,56	79,30	1,40
18. Bớp	17,40	2,45	81,00	1,07
19. Miến sành 4 gai	20,00	1,80	78,00	0,98
20. Bơn ngộ	20,70	0,60	77,00	1,40
21. Phèn hai sọc	19,90	2,06	76,50	1,38
22. Bạch diều	20,35	1,21	77,20	1,36
23. Dừ nanh	18,50	1,50	78,60	1,20

Bảng 3(tiếp theo)

1	2	3	4	5
124. Mối thường	19,70	1,16	78,30	1,30
125. Miến sành hai gai	20,80	2,50	76,40	1,60
126. Chai	21,70	0,57	78,30	0,94
127. Song tro	20,90	1,40	80,00	1,10
128. Uế	19,60	1,25	78,00	1,44
129. Đù đầu nhọn	19,80	1,20	78,50	1,30
130. Vược	19,90	0,30	78,30	-
131. Bao áo	21,20	0,94	76,10	1,50
132. Hồng	20,04	1,02	77,90	1,22
133. Kẽm hoa	19,20	2,45	79,50	1,20
134. Tai tượng	19,40	1,84	78,80	1,30
135. Lượng dài vây đuôi	18,40	1,00	79,00	1,40
136. Lượng ngắn vây đuôi	18,05	1,12	78,70	1,34
137. Ngãng ngựa	18,10	1,14	78,80	1,16
138. Tráp đen	19,70	0,57	77,20	1,41
139. Sạo	19,50	0,74	78,50	1,20

Phụ lục 4 TCVN 3250-88(Tham khảo)

BẢNG 4 THÀNH PHẦN KHỐI LƯỢNG CỦA MỘT SỐ LOÀI CÁ

Tên cá	Thành phần khối lượng tính bằng phần trăm so với khối lượng con cá				
	Thịt phì lê	Đầu	Xương	Vây, vây, tạng	Nội tạng
1	2	3	4	5	6
1. Cơm	57,90	21,10	8,90	1,86	8,50
2. Thu chấm	75,10	11,20	7,19	1,92	3,50
3. Lươn	67,10	14,20	8,40	1,50	7,40
4. Ngừ	59,00	19,10	7,76	0,81	11,40
5. Nhồng	55,20	19,40	8,36	1,67	4,00
6. Thu vạc	65,50	16,30	8,70	1,60	6,99
7. Mòi	51,90	17,60	13,50	4,10	10,50
8. Phèn khoai	60,30	19,70	17,50	6,45	5,11
9. Dưa	66,40	8,10	16,30	1,48	7,36
10. Chim Ấn Độ	56,50	18,80	13,50	1,10	8,00
11. Bẹ dài	51,70	20,20	14,20	2,05	9,00
12. Nục sồ	55,80	22,90	11,08	3,83	5,63
13. Đen lười	50,50	24,10	16,10	4,10	4,60
14. Nhụ	55,80	21,50	11,30	3,50	6,60
15. Đồi	56,30	20,10	11,80	4,95	6,70
16. Bạc má	52,00	26,00	12,20	3,20	4,70
17. Nhỡ	53,60	25,14	11,90	5,70	3,50
18. Bóp	52,80	22,30	11,30	3,10	8,90
19. Miến sành bốn gai	50,20	26,60	14,60	5,30	3,50
20. Phèn hai sọc	49,40	23,30	13,90	9,65	5,00
21. Bơn ngô (loại lớn)	51,40	20,20	14,10	6,20	5,70
22. Bơn ngô (loại nhỏ)	53,40	20,20	15,50	5,40	3,70
23. Bạch diều	51,70	25,20	14,30	5,12	2,95
24. Mối thường	53,10	19,10	10,70	5,76	9,70

(Bảng 4 tiếp theo)

1	2	3	4	5	6
125. Dù nanh	54,20	22,30	11,40	4,10	6,50
126. Miến sành hai gai	44,60	26,70	18,20	6,00	3,20
127. Song tro	48,30	32,20	9,90	5,28	3,55
128. Uế	51,50	28,50	8,55	2,85	7,70
129. Dù dầu nhọn	50,70	23,40	11,90	4,00	9,00
130. Vược	54,50	22,60	10,50	8,00	5,00
131. Bao áo	47,80	21,90	18,50	4,40	6,50
132. Hồng	49,97	29,20	12,80	5,30	3,67
133. Kẽm hoa	44,35	29,30	15,65	6,00	4,80
134. Tai tượng	44,70	20,80	19,30	4,61	8,80
135. Lượng dài vây đuôi	50,15	24,20	10,50	6,00	7,50
136. Lượng ngắn vây đuôi	50,00	24,40	10,50	6,00	7,50
137. Ngãng ngựa	45,10	30,00	16,50	2,26	5,26
138. Tráp đen	43,10	27,40	13,40	7,52	7,21
139. Sạo	41,00	34,40	13,16	6,28	4,00
140. Chim đen (loại nhỏ)	47,90	21,80	15,30	3,34	8,30